

TIM MẠCH

Câu 1 : Loại thông liên thất nào thường gặp trong bệnh kênh nhĩ – thất

- A. Thông liên thất quanh màng
- ☒ B. Thông liên thất phần nhận. ✓
- C. Thông liên thất phần cơ bè
- D. Thông liên thất phần thoát *sau ĐM chủ*
- E. Thông liên thất kèm hẹp động mạch phổi

Câu 2 : Loại thông liên thất nào thường khó khăn khi phẫu thuật đóng lỗ thông

- ☒ A. Thông liên thất phần quanh màng có phình vách màng
- B. Thông liên thất phần nhaj rộng
- C. Thông liên thất phần cơ bè thể nhiều lỗ. ✓
- D. Thông liên thất phần thoát có sa van động mạch chủ
- E. Thông liên thất kèm hẹp động mạch phổi

Câu 3 : Các tật tim bẩm sinh nào sau đây ít có nguy cơ viêm nội tâm mạc nhiễm trùng

- A. Thông liên thất
- B. Hẹp van động mạch phổi
- ☒ C. Thông liên nhĩ. ✓
- D. Còn ống động mạch
- E. Tứ chứng Fallot

Câu 4 : Đặc điểm huyết động của thông liên nhĩ lỗ thứ 2

- A. Luồng thông trái – phải luôn xảy ra trong suốt chu chuyển tim
- B. Chiều của luồng thông phụ thuộc vào chênh áp giữa 2 nhĩ và kích thước lỗ thông
- C. Đổ đầy thất trái tăng hơn so với người bình thường do máu về nhĩ trái nhiều
- D. Trong suốt quá trình của bệnh, thất phải bị tăng gánh tâm trương
- ☒ E. Tất cả đều sai.

Câu 5 : Mẹ bị tiểu đường khi sinh con sẽ có nguy cơ bị tật tim bẩm sinh nào

- A. Còn ống động mạch
- B. Thông liên nhĩ
- C. Thông liên thất
- D. Hẹp động mạch phổi
- ☒ E. Tứ chứng Fallot ✓

Câu 6 : Một bé trai 2 tháng tuổi, được chẩn đoán bị tứ chứng Fallot từ sau sinh. 1 tuần nay thường bị lên những cơn tím tái, mệt, khó thở khi khóc hoặc đi tiêu. Xử trí phù hợp ở bệnh nhân này

- A. Propranolol uống.
- ☒ B. Truyền tĩnh mạch Prostaglandin E1 ✓
- C. Thông tim can thiệp đặt stent ống động mạch
- D. Phẫu thuật Blalock – Taussig
- E. Phẫu thuật sửa chữa hoàn toàn

Câu 7 : Điều trị suy tim cấp do luồng thông trái phải lớn, ở giai đoạn sơ sinh

- A. Thở oxy cannula 1L/ Phút + Lasix (2mg/kg/1 lần) + Digoxin (0,05 mg/kg/ngày)
- B. Thở oxy cannula 0,5 L/ Phút + Lasix (1 mg/kg/1 lần) + Captoril

(0,05 mg/kg/ngày)

C. Thở oxy cannula 0,5 L/Phút, hoặc NCPAP/ FiO2 thấp + Lasix
(2mg/kg/ngày) TM ± Digoxin

D. Thở máy chế độ giảm thông khí với FiO2 thấp + Lasix 2
mg/kg/ngày

E. C và D đúng.

Câu 8 : Bé gái 5 tháng tuổi bị tật còn ống động mạch, phát hiện lúc 1 tháng tuổi. Hiện bé bú khó khăn và sốt. Khám thấy bé thở nhanh 56 lần/phút, rút lõm ngực và co kéo cơ liên sườn, môi tái nhợt (không oxy) vã mồ hôi. Phổi nghe ran âm, nổ Mạch quay nhanh nhẹ, chi mát. Thời gian hồi phục tuần hoàn da đầu chi > 3s. Gan 2cm dưới HSP. Tim nhanh 160 lần/phút, nghe âm thổi 2 thì 3/6 ở LS II, III cạnh bờ ức trái. Chẩn đoán các biến chứng bé mắc phải

A. Viêm phổi nặng + suy hô hấp

B. Viêm phổi nặng + suy hô hấp + suy tim

C. Suy tim cấp + cao áp phổi

D. Suy tim + cao áp phổi + HC Eisenmenger

E. Viêm phổi nặng + suy hô hấp + cao áp phổi + suy tim cấp

Câu 9 : Bất thường cấu trúc nào KHÔNG nằm trong bệnh tứ chứng Fallot

A. Thông liên thất

B. Tắc nghẽn đường ra thất trái **phải**

C. Động mạch chủ cưỡi ngựa ngay phía trên lỗ thông liên thất

D. Phì đại thất phải

Câu 10 : Lưu lượng máu qua lỗ thông liên nhĩ tùy thuộc vào yếu tố nào dưới đây

A. Độ dẫn mở 2 thất thì tâm trương

B. Chênh áp giữa 2 tâm nhĩ thì tâm thu

C. Kháng lực mạch máu hệ thống

D. Áp lực thất phải thì tâm thu

Câu 11 : Đặc điểm của âm thổi trong thông liên thất cơ bè là gì ?

A. Đầu tâm thu

B. Giữa tâm thu

C. Cuối tâm thu

D. Toàn tâm thu

Câu 12 : Bệnh nhân nam, 10 tuổi. cách nhập viện 1 ngày, em sốt nhẹ, than đau ngực trái, cảm giác mệt và khó thở nên mẹ đưa đi nhập viện

Tiền căn: chưa ghi nhận bệnh lý tim, khớp trước đây. Cách nhập viện 2 tuần, em có sốt nhẹ và ho 3 ngày, triệu chứng tự hết, không điều trị gì.

Khám: Em tỉnh, vẻ mặt mệt mỏi. Môi hồng, chi ấm, mạch rõ. Tim đều, rõ 130 lần/phút. Gallop T3 (+). Mỏm tim liên sườn 6 đường trung đòn trái. Âm thổi tâm thu êm dịu, cường độ 3/6 ở mỏm tim lan lên nách trái. Phổi trong. Thở co kéo liên sườn, tần số 30 lần/phút. Bụng mềm, gan 3cm hạ sườn phải. Phù nhẹ 2 chân

Cận lâm sàng: Bạch cầu 15.000/mm³, Neutrophile 80%. VS 70 mm. CRP 80 mg/l. ASO(+)

Điều trị ban đầu cho bệnh nhân này là?

A. Benzathine Penicillin tiêm bắp 1 liều duy nhất, Prednisone uống, Aspirin uống

B. Benzathine Penicillin tiêm bắp 1 liều duy nhất, Methylprednisolone tiêm tĩnh mạch

C. Benzathine Penicillin tiêm bắp 10 ngày, Methylprednisolone tiêm tĩnh mạch

D. Penicillin V uống 10 ngày, Prednisone uống, Aspirin uống

Câu 13 : Nghe được T2 tách đôi trong trường hợp hẹp động mạch phổi ở vị trí nào

- A. Tại van
- B. Dưới van
- C. Thân ĐMP
- D. Nhánh ĐMP phải

Câu 14 : Hẹp động mạch phổi ở vị trí nào sau đây thì thấy cung động mạch phổi phồng trên X quang ngực?

- A. Dưới van
- B. Tại van
- C. Thân ĐMP
- D. 2 nhánh ĐMP

Câu 15 : Bệnh nhân nam, 10 tuổi. Cách nhập viện 1 ngày, em sốt nhẹ, than đau ngực trái, cảm giác mệt và khó thở nên mẹ đưa đi nhập viện

Tiền căn: Chưa ghi nhận bệnh lý tim, khớp trước đây. Cách nhập viện 2 tuần, em có sốt nhẹ và ho 3 ngày, triệu chứng tự hết, không điều trị gì

Khám lúc nhập viện: Môi hồng, chi ấm, mạch rõ. Tim đều, rõ 130 lần/phút, Gallop T3 (+). Mỏm tim liên sườn 6 đường trung đòn trái, âm thổi tâm thu êm dịu, cường độ 3/6 ở mỏm tim lan lên nách trái, phổi trong. Thở co kéo liên sườn, tần số 30 lần/phút. Bụng mềm, gan 3 cm hạ sườn phải. Phù nhẹ 2 chân. Các cận lâm sàng cần làm trên bệnh nhân này

- A. Công thức máu, CRP, ECG, X quang ngực, siêu âm tim
- B. Công thức máu, ASO, VS, X quang ngực, siêu âm tim
- C. Công thức máu, VS, CRP, ASO, ECG, Siêu âm tim
- D. Công thức máu, ure, creatinin, ECG, X quang ngực, siêu âm tim

Câu 16 : Tại sao con tím thiếu oxy trong bệnh sử tứ chứng Fallot thường xảy ra khi thức dậy sau một giấc ngủ dài?

- ☒ A. Kháng lực ngoại biên giảm
- B. Kháng lực ngoại biên tăng
- C. Nhịp tim nhanh khi thức
- D. Nhịp tim còn chậm khi ngủ dậy

Câu 17 : Thuốc an thần nào dưới đây nên tránh khi điều trị con tím thiếu oxy trong tứ chứng Fallot

- A. Diazepam
- B. Morphine
- C. Ketamin

☒ D. Midazolam

giãn mạch làm ↓ KLN B hơn

Câu 18 : Theo Krichenko trong bệnh còn ống động mạch, khi có sự co thắt cả đầu động mạch phổi và động mạch chủ thì phân loại thuộc type nào?

- A. Type A
- B. Type B
- C. Type C
- ☒ D. Type D

Câu 19 : Âm thổi tâm thu của hẹp động mạch phổi trên bệnh nhân tứ chứng Fallot khác gì với âm thổi tâm thu của hẹp van động mạch phổi đơn thuần

- A. Hẹp càng nặng âm thổi càng nhỏ, ngắn
- ☒ B. Hẹp càng nặng âm thổi càng nhỏ, dài
- C. Hẹp càng nặng âm thổi càng to, ngắn
- D. Hẹp càng nặng âm thổi càng to, dài

Câu 20 : Bé gái 3 tuổi nhập viện vì thở mệt, tím

Tiền căn: chưa biết bệnh tim trước đó, chưa nhập viện lần nào, tím từ sau sinh và tím tăng dần khi lớn lên.

Khám: tỉnh, tiếp xúc tốt, phù mi mắt. Tím da và niêm, móng tay khum mặt kính đồng hồ. Cân nặng 10kg, cao 80cm, SpO₂ = 75%. Mỏm tim ở khoang liên sườn IV ngoài đường trung đòn trái 2cm, Harzer (+), T2 đơn, nghe âm thổi tâm thu dạng phụt cường độ 2/6 liên sườn II – III trái. Thở đều sâu 40 lần/phút, không rút lõm ngực. Phổi trong. Bụng mềm, gan 2cm dưới bờ sườn phải, lách không to. Các cơ quan khác chưa phát hiện bất thường. XQ ngực có hình ảnh hai phế trường sáng, mỏm tim héch lên. Chọn lựa nào sau đây là đúng theo cách tiếp cận tim bẩm sinh

- A. Tim bẩm sinh tím, tuần hoàn phổi tăng, không tăng áp phổi, tim phải ảnh hưởng nghĩ thông liên nhĩ
- B. Tim bẩm sinh tím, tuần hoàn phổi giảm, tăng áp phổi, tim phải ảnh hưởng nghĩ thông liên nhĩ đảo ngược
- C. Tim bẩm sinh tím, tuần hoàn phổi giảm, tăng áp phổi, tim phải ảnh hưởng nghĩ tứ chứng Fallot
- D. Tim bẩm sinh tím, tuần hoàn phổi giảm không tăng áp phổi, tim phải ảnh hưởng nghĩ tứ chứng Fallot

CẤP CỨU (NGẠT NƯỚC – ONG ĐỐT – RẮN CẢN)

Câu 21 : Bé trai 6 tuổi, nhập viện vì ong đốt giờ thứ 5. Tình trạng nhập viện: Đờ, môi tái, chi mát, mạch quay đều nhẹ 140 lần/phút, thở êm. Tim đều rõ, phổi trong, bụng mềm. 20 vết ong đốt kèm kim đốt có gai. Xử trí phù hợp nhất là gì

- A. Thở oxy ẩm qua cannula
- B. Lactate Ringer hoặc Nor mal saline TTM 20ml/kg/15 phút
- C. Dopamin TTM liều 5-10 µg/kg/phút
- D. Adrenalin tiêm bắp

Câu 22 : Bé trai 2 tuổi, nhập viện vì ngạt nước, giờ 5. Cách nhập viện 5 giờ, thân nhân không thấy em khoảng 10 phút, phát hiện em trong ao nuôi cá trong tình trạng ngưng tim ngưng thở. Xử trí tại hiện trường: Xóc nước, nhấn tim, thổi ngạt. à thở lại sau 5 phút, chuyển BV ND 1. Tình trạng nhập viện: Gồng liên tục, chi ấm, mạch quay đều rõ 160 lần/phút, SpO₂ 98%, HA 110/80 mmHg. Tim đều rõ, phổi rale ẩm, bụng mềm. Xử trí nào phù hợp nhất trên bệnh nhân này

- A. Thở oxy qua cannula
- B. Thở oxy qua mask có túi dự trữ không thở lại
- C. Thở áp lực dương liên tục qua mũi
- D. Đặt nội khí quản thở máy ✓

Câu 23 : Bé gái, 3 tuổi, phát hiện bất tỉnh trong bể bơi gia đình, Xe cấp cứu đến trong vòng 4 phút sau khi vớt bé lên. Hồi sức ban đầu gồm ấn tim và bóp mask giúp thở, tiếp theo đặt nội khí quản giúp thở. Bé nhập viện trong tình trạng ngưng thở ngưng tim, được hồi sức 10 phút. Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến tiên lượng bệnh nhân này là gì?

- A. Nước hồ bơi có hóa chất
- B. Thời gian ngưng tim quá lâu ✓
- C. Bé tuổi quá nhỏ
- D. Bóp bóng qua mask không đủ

Câu 24 : Nạn nhân nam, 13 tuổi ngạt nước sau khi nhảy xuống nước từ vách đá với bạn. Bệnh nhân ngưng thở, mê, mạch quay bắt được. Phương pháp cung cấp oxy tốt nhất là gì?

- A. Oxy cannula
- B. Oxy qua mask
- C. Bóp bóng qua mask
- D. Đặt nội khí quản ✓

Câu 25 : Bé trai 4 tuổi, nhập viện vì rấn cắn giờ thứ 20 vào mu chân phải.

Sinh hiệu ổn. Sang thương da: vùng mu chân phải hoại tử khô, cổ chân và cẳng chân sưng, đau có 3 bóng nước dịch trong, đường kính 1 đến 3 cm. Bệnh nhân có khả năng bị rắn gì cắn nhất?

- A. Hổ đất
- B. Chàm quạp
- C. Hổ mèo
- D. Lục xanh đuôi đỏ

Tính huống sử dụng cho 2 câu 26-27

Câu 26 : Bé trai 4 tuổi, nhập viện vì rắn cắn 3 giờ. Mô tả con rắn: Hình mắt kính trên đầu. sang thương lúc nhập viện: Vết cắn ở mu chân phải, không rỉ máu; hoại tử 2 ngón 4,5 phải; bóng nước to nhỏ không đều, chân phải sưng to từ ngón chân lan đến đầu gối. Bé bị rắn gì cắn

- A. Rắn lục tre
- B. Rắn chàm quạp
- C. Rắn hổ đất
- D. Rắn hổ mèo.

Câu 27 : Xử trí tại thời điểm này là gì:

- A. Truyền 150 ml huyết tương tươi đông lạnh
- B. Truyền huyết thanh kháng nọc rắn 6 lọ
- C. Truyền kháng sinh Vancomycin và cefotaxim
- D. Chăm sóc vết thương giảm đau
- E. Chích SAT và VAT

Câu 28 : Xử trí ngạt nước tại hiện trường, câu nào sau đây là đúng?

- A. Cấp cứu ngưng tim ngưng thở theo ABC
- B. Cho trẻ nằm đầu thấp cải thiện thông khí
- C. Sốc nước có thể hiệu quả khi trẻ nhỏ
- D. Hơ lửa giúp làm ấm nạn nhân khi ngạt nước lạnh

Câu 29 : Trẻ trai 7 tuổi, bị phản vệ với ong đốt. Xét nghiệm giúp chẩn đoán phản vệ?

- A. Hemoglobin niệu
- B. Myoglobin niệu
- C. Lactate máu
- D. Tryptase máu

Câu 30 : Bé trai, 9 tuổi, nhập viện vì ong đốt giờ thứ 3. Tình trạng lúc nhập viện: Tỉnh, đờ, môi tím, SpO₂ 90%, chi ấm, mạch quay đều rõ 120 lần/phút, HA 100/60 mmHg, thở rít nhanh thanh quản 30 lần/phút. Tim đều rõ, phổi không rale, bụng mềm. Mề đay toàn thân, 20 vết đốt của ong. Xử trí lúc nhập viện đúng nhất là gì?

- A. Nằm đầu ngang
- B. Phun khí dung adrenalin với oxy 4 lít/phút
- C. Phun khí dung ventolin với oxy 6 lít/phút
- D. Adrenalin 1/1000 tiêm bắp

Câu 31 : Phản ứng dị ứng còn gọi là phản ứng gì?

- A. Co thắt phế quản
- B. Mề đay
- C. Phản vệ
- D. Phù mắt

Câu 32 : Bé trai 6 tuổi, nhập viện vì ong đốt giờ thứ 5. Khám thấy 20 vết ong đốt kèm kim đốt có gai. Khả năng nhiều nhất bệnh bị ong gì đốt

- A. Ong vò vẽ
- B. Ong bắp cày
- C. Ong mật

D. Ong đất

Câu 33 : Bé trai 2 tuổi, nhập viện vì ngạt nước giờ thứ 5. Thân nhân phát hiện em tại ao nuôi cá trong tình trạng ngưng tim ngưng thở, thời gian ước tính nằm trong nước khoảng 10 phút. Xử trí tại hiện trường: xóc nước, nhấn tim, thổi ngạt và thở lại sau 5 phút hồi sức, chuyển viện nhi đồng 1. Tình trạng nhập viện: Gồng liên tục, chi ấm, mạch quay đều rõ 160 lần/phút, SpO2 98%, HA 110/80 mmHg, tim đều rõ, phổi rale ẩm, bụng mềm

- A. Tăng áp lực nội sọ, theo dõi ARDS
- B. Tăng áp lực nội sọ, theo dõi viêm phổi
- C. Ngưng tim ngưng thở, theo dõi ARDS
- D. Ngưng tim ngưng thở, theo dõi viêm phổi

PHÁT TRIỂN TÂM VẬN

Câu 34 : Trẻ 11 tháng tuổi, được mẹ đưa đi khám sức khỏe định kỳ. Qua thăm khám ghi nhận trẻ có thể đi chập chững khi được hỗ trợ, chưa biết chạy. Kết luận nào sau đây về chỉ số phát triển DQ của trẻ trong lĩnh vực vận động là phù hợp nhất

- A. <60%
- B. 60% - 70%
- C. 70% - 85%
- D. >85%

Câu 35 : Trẻ nam 26 tháng tuổi, được mẹ đưa đi khám sức khỏe định kỳ. Qua thăm khám ghi nhận trẻ có thể đi chậm chững khi được hỗ trợ, chưa biết chạy. Kết luận nào sau đây về chỉ số phát triển DQ của trẻ trong lĩnh vực vận động là phù hợp nhất

- A. <60%
- B. 60% - 70%
- C. 70% - 85%
- D. >85%

Câu 36 : Trẻ 22 tháng tuổi, được mẹ đưa đi khám sức khỏe định kỳ. Trẻ cân nặng 11,7 kg; cao 84 cm, Trẻ hay hỏi mẹ “ cái gì” trong khoảng một tháng gần đây. Kết quả nào sau đây là phù hợp nhất đối với trẻ?

- A. Bé phát triển bình thường
- B. Nhẹ cân so với tuổi
- C. Thấp so với tuổi
- D. Chậm nói

Câu 37 : Trẻ 22 tháng tuổi, được mẹ đưa đi khám sức khỏe định kỳ. Trẻ cân nặng 11,5 kg, cao 68 cm. Trẻ có thể chạy được và tự bước lên cầu thang. Kết luận nào sau đây là phù hợp nhất đối với trẻ

- A. Bé phát triển bình thường
- B. Nhẹ cân so với tuổi
- C. Thấp so với tuổi
- D. Chậm phát triển vận động

Tính huống sử dụng cho 2 câu 38-39

Câu 38 : Bạn là 1 bác sĩ tại bệnh viện huyện và tiếp nhận khám bé Huy, 15 tháng tuổi. Trẻ chưa thể tự đi nhưng đã tự đứng lên được, đi vòng quanh bàn, đi khá tốt khi có mẹ giữ hai tay. Ước tính tuổi vận động thô là 10 tháng. Chỉ số phát triển (development quotient, DQ) của Huy là bao nhiêu

- A. 59,4
- B. 60,5
- C. 66,7
- D. 71,6

Câu 39 : Bạn cần làm gì tiếp theo:

- A. Không làm gì thêm
- B. Chấn an cha/mẹ bé
- C. Tiếp tục theo dõi sát bé
- D. Chuyển viện lên tuyến trên

Câu 40 : Thời điểm nào được khuyến cáo để tầm soát bệnh tự kỷ

- A. 12 tháng
- B. 18 tháng
- C. 24 tháng
- D. 30 tháng

ĐAU Ở TRẺ EM

Câu 41 : Trẻ 4 tuổi, được theo dõi viêm màng não và chọc dò dịch não tủy để giúp chẩn đoán. Một ngày sau chọc dò dịch não tủy, mẹ trẻ nói với bạn rằng trẻ đau lưng suốt đêm qua. Bạn đánh giá đau ở trẻ này bằng thang điểm nào sau đây

- A. Bảng điểm FLACC
- B. Bảng khuôn mặt của Wong-Baker
- C. Bảng thang màu
- D. Bảng đánh giá bằng từ mô tả

Câu 42 : Trẻ 2 tuổi được chọc dò thắt lưng để chẩn đoán viêm màng não.

Một ngày sau thủ thuật mẹ trẻ báo với bạn rằng bé quấy do đau lưng nhiều đêm qua. Khám lâm sàng ghi nhận trẻ thường xuyên nhăn mặt, cắn chặt răng; nằm ở tư thế không thoải mái; có những lúc trẻ cong người do đau; rên rỉ; tuy nhiên trẻ dịu đau khi được mẹ an ủi và trò chuyện. Điểm số đau của trẻ theo thang điểm FLACC là bao nhiêu

- A. 3 điểm
- B. 5 điểm
- C. 7 điểm
- D. 9 điểm

Câu 43 : Bé Vân, 16 tháng tuổi, 10kg, được theo dõi thực bào máu và được làm tủy đồ để giúp chẩn đoán. Một ngày sau khi thực hiện thủ thuật, mẹ bé báo với bạn rằng bé đau nhiều ở vị trí thực hiện thủ thuật. Bé vẫn ăn uống được. Bạn đánh giá bằng điểm đau theo thang FLACC được 3 điểm. Xử trí ban đầu phù hợp nhất

- A. Paracetamol đường uống 100 -150 mg/4 giờ.
- B. Paracetamol đường uống 150 -2000 mg/kg/8 giờ
- C. Ibuprofen 100 – 150 mg/kg / 4 giờ
- D. Ibuprofen 150 – 200 mg/kg / 8 giờ

KAWASAKI - GUILLAIN-BARRE – HENOCHE – SCHONLEIN - VIÊM KHỚP THIẾU NIÊN

Câu 44 : Bé gái 3 tuổi nhập viện vì sốt kéo dài trên 2 tuần, kèm phát ban toàn thân xuất hiện trong cơn sốt, sau cơn sốt bé khỏe hơn. Bé sưng đau các khớp bàn ngón tay và cổ tay 2 bên. Bé cảm thấy khó thở, đau ngực. Khám tim nhanh 120 lần/phút, nghe có T3 và âm thổi tâm thu 2/6 vùng mỏm tim, phổi trong. Bụng mềm, gan 2 cm, lách không to. Hạch nhỏ di động ở bẹn và cổ. chẩn đoán nghĩ đến là:

- A. Bệnh Kawasaki
- B. Viêm khớp dạng thấp thiếu niên thể hệ thống (Bệnh Still).
- C. Bạch huyết cấp
- D. Nhiễm trùng huyết
- E. Thấp tim cấp

Câu 45 : Bệnh nhi nữ, 7 tuổi, qua hồi bệnh và khám lâm sàng, được chẩn đoán Henoch-Schonlein tổn thương da, khớp. Xét nghiệm nào sau đây nên được đề nghị ở bệnh nhân này?

- A. X quang khớp
- B. Sinh thiết da
- C. Tổng phân tích nước tiểu

Câu 46 : Công thức máu Biểu hiện lâm sàng của ban xuất huyết Henoch-

Schonlein có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tổn thương da xuất hiện đầu tiên trong 75% các trường hợp
- B. Tổn thương da gặp trong 75% các trường hợp
- C. Tổn thương thận ở trẻ em thường gặp hơn và nặng hơn so với người lớn
- D. Tổn thương thận thường tự giới hạn và không cần điều trị

Tình huống sử dụng cho 2 câu 47-48

Bệnh nhân nam 3 tuổi, được chẩn đoán bệnh Kawasaki ngày thứ 9, được dùng aspirin và gamma globulin 2g/kg 1 lần duy nhất, nhưng vẫn còn sốt sau khi truyền 2 ngày. Siêu âm tim có dẫn mạch vành trái 9mm.

Câu 47 : Xử trí phù hợp nhất là gì

- A. Truyền gamma globulin lần hai 2g/kg
- B. Truyền gamma globulin lần hai 2g/kg + sử dụng corticoid
- C. Dùng tiếp aspirin vì bệnh đã quá 10 ngày
- D. Dùng tiếp aspirin vì bệnh đã bị dẫn mạch vành

Câu 48 : Điều trị thuốc lâu dài là gì?

- A. Uống Aspirin 6 tuần rồi ngưng
- B. Uống Aspirin suốt đời
- C. Uống Aspirin và Warfarin suốt đời
- D. Uống Aspirin và Warfarin đến khi mạch vành bình thường hoặc suốt đời

Câu 49 : Bệnh nhân nữ 5 tuổi, đến khám vì không đi lại được 5 ngày. Sau khi khám nghi ngờ trẻ bị hội chứng Guillain – Barre. Tiêu chứng nào cần chú ý nhất khi khám lâm sàng?

- A. Khác biệt sức cơ chi trên và chi dưới
- B. Hiện diện cầu bàng quang
- C. Triệu chứng suy hô hấp
- D. Triệu chứng liệt ruột

Câu 50 : Trẻ 6 tuổi nhập viện vì yếu 2 chi dưới, theo dõi hội chứng

Guillain Barre. Kết quả khám thần kinh ghi nhận trẻ có liệt vận nhãn, thất điều, giảm phản xạ gân cơ 2 bên. Chẩn đoán Guillain Barre thể nào là phù hợp nhất

- A. Miller Fisher
- B. Bickerstaff
- C. AIDP
- D. AMAN

Câu 51 : Nam, 11 tháng tuổi nhập viện vì sốt ngày thứ 12. Khám thấy

những bất thường sau: môi đỏ, lưỡi dâu, hồng ban đa dạng khắp người, kết mạc đỏ khô, bong da đầu ngón. CRP 20 mg/L, Hct 36%, bạch cầu máu 13.000/mm³, tiểu cầu 200.000/mm³, Albumin/máu 3g/dL. Bệnh nhân được chẩn đoán Kawasaki. Hãy đánh giá nguy cơ tổn thương mạch vành của trẻ theo tiêu chuẩn Harada

- A. 3 điểm, không có nguy cơ
- B. 4 điểm, không có nguy cơ
- C. 5 điểm, có nguy cơ cao
- D. 6 điểm, có nguy cơ cao

Câu 52 : Bệnh nhân nam. 9 tuổi, được chẩn đoán Henoch – Schonlein tổn thương da, khớp và có TPTNT kết quả bình thường. Bệnh nhân này cần được tái khám để kiểm tra TPTNT trong bao lâu

- A. Ít nhất 4 tháng
- B. Ít nhất 3 tháng
- C. Ít nhất 6 tháng
- D. Mỗi tháng trong 3 tháng đầu, mỗi 3 tháng trong 6 tháng tiếp theo, sau đó mỗi 6 tháng

Tình huống sử dụng cho 2 câu 53-54

Bé gái 4 tuổi đến khám vì đau khớp gối trái

Bệnh sử: - Cách nhập viện 5 ngày ; 3 ngày đầu có sốt nhẹ, nổi mụn mủ trên da ở cẳng chân 2 bên. 2 ngày sau đau khớp gối bên trái, sốt cao liên tục.

Khám: - Mạch 120 lần/phút, thân nhiệt 39°C, môi khô lưỡi dơ, đờ, còn vài nốt mụn mủ trên da cẳng chân hai bên rải rác

- Khớp gối trái sưng nề, mắt hờm hai bên xương bánh chè, vùng da xung quanh tấy đỏ, đau khi vận động thụ động

Xét nghiệm: BC 25.000/ul, Neu 67% Hb 10.5 g/dl, PLT 650.000/ul, CRP 105 mg/dl. Siêu âm tràn dịch khớp gối trái lượng nhiều dịch không đồng nhất

Câu 53 : Điều trị nào sau đây phù hợp nhất khi mới nhập viện

- A.** Ceftriaxone và Oxacilin
- B.** Vancomycin và gentamicin
- C.** Ceftriaxone
- D.** Oxacillin

Câu 54 : Biến chứng nào thường gặp nhất nếu bệnh nhân không được điều trị

- A.** Teo cơ, biến dạng khớp
- B.** Viêm tim
- C.** Cốt tủy viêm
- D.** Hoại tử xương bánh chè

Câu 55 : Dùng Aspirin cho bệnh nhân Kawasaki trong giai đoạn cấp như thế nào là đúng

- A.** 5 mg/kg/ngày trong 6 tuần
- B.** 5 mg/kg/ngày, khi hết sốt ngưng
- C.** 80 mg/kg/ngày, khi hết sốt 3-5 mg/kg/ngày, tối thiểu 6 tuần
- D.** 80 mg/kg/ngày trong 2 tuần, sau đó 3-5 mg/kg/ngày trong 6 tuần

Câu 56 : Bệnh nhân nam, 10 tuổi. cách nhập viện 1 ngày, em sốt nhẹ, than đau ngực trái, cảm giác mệt và khô thở nên mẹ đưa đi nhập viện

Tiền căn: chưa ghi nhận bệnh lý tim, khớp trước đây. Cách nhập viện 2 tuần, em có sốt nhẹ và ho 3 ngày, triệu chứng tự hết, không điều trị gì.

Khám: Em tỉnh, vẻ mặt mệt mỏi. Môi hồng, chi ấm, mạch rõ. Tim đều, rõ 130 lần/phút. Gallop T3 (+). Mờm tim liên sườn 6 đường trung đòn trái. Âm thổi tâm thu êm dịu, cường độ 3/6 ở mờm tim lan lên nách trái. Phổi trong. Thở co kéo liên sườn, tần số 30 lần/phút . Bụng mềm, gan 3cm hạ sườn phải. Phù nhẹ 2 chân

Cận lâm sàng: Bạch cầu 15.000/mm3 , Neutrophile 80%. VS 70 mm. CRP 80 mg/l. ASO(+)

- Điều trị ban đầu cho bệnh nhân này là?
- A.** Benzathine Penicillin tiêm bắp 1 liều duy nhất, Prednisone uống, Aspirin uống
 - B.** Benzathine Penicillin tiêm bắp 1 liều duy nhất, Methylprednisolone tiêm tĩnh mạch
 - C.** Benzathine Penicillin tiêm bắp 10 ngày, Methylprednisolone tiêm tĩnh mạch
 - D.** Penicillin V uống 10 ngày, Prednisone uống, Aspirin uống

Tình huống sử dụng cho câu 57-58

Bé gái 16 tháng tuổi nhập viện vì đau khớp gối trái

Bệnh sử: 2 tháng nay bệnh nhi đau khớp gối trái tăng dần và không đi lại được, tình thoảng có sốt nhẹ, bệnh nahan đi khám nhiều nơi có điều trị bằng kháng viêm NSAIDs nhưng tình trạng không cải thiện nên nhập viện.

Khám: Vẻ mặt sạch, thân nhiệt lúc khám 37oC, da niêm hồng, gan lách không to, hạch ngoại biên không sờ chạm, không dấu xuất huyết da niêm, có sưng, nóng đỏ khớp gối trái, hạn chế vận động chủ động và thụ động.

Xét nghiệm: WBC 20.000/ul , Hb 12,5 g/dl, PLT 700.000/ul; Tốc độ lắng máu (VS) 60/94 mm, CRPhs: 63 mg/dl, Procalcitonin (-) điện di đậm A/G <1, tăng alpha 2, Xquang: hình ảnh mất vôi ở đầu xương đùi T, khe khớp rộng, không thấy hủy xương. Siêu âm: tràn dịch khớp háng bên trái lượng nhiều, dịch đồng nhất

Câu 57 : Chẩn đoán phù hợp nhất

- A.** Viêm khớp do vi trùng sinh mủ
- B.** Viêm khớp tự phát thiếu niên.
- C.** Viêm khớp phản ứng
- D.** Thấp khớp cấp

Câu 58 : Điều trị ban đầu nên chọn lựa là gì

- A.** Kháng viêm NSAIDs đơn thuần
- B.** Kháng viêm corticoide đường toàn thân đơn thuần
- C.** Dùng Corticoide nội khớp + kháng sinh tĩnh mạch
- D.** Dùng Corticoide nội khớp + Methotrexate
- E.** Dùng Corticoide nội khớp + Sulfasalazine

Câu 59 : Bé gái 10 tuổi, nặng 28 kg, bệnh 7 ngày, nhập viện vì sưng đau khớp. Sau khi khám và làm các xét nghiệm chẩn đoán bác sĩ chẩn đoán bệnh nhân bị thấp khớp cấp. Điều trị kháng sinh phòng thấp tái phát nào sau đây là phù hợp

- A.** Benzathin Penicillin 1,2 triệu đơn vị TB mỗi 4 tuần, cho tới 15 tuổi
- B.** Penicillin G 1,2 triệu đơn vị TB mỗi 4 tuần, cho đến 18 tuổi

C. Penicillin V 500.000 đơn vị x 2 uống mỗi ngày, cho đến 18 tuổi.

D. Penicillin V 500.000 đơn vị x 2 uống mỗi ngày, cho đến 15 tuổi

E. Erythromycin 250 mg x 2 uống mỗi ngày cho đến 15 tuổi

Câu 60 : Bé trai 3 tuổi, nhập viện vì sốt ngày thứ 8. Khám thấy môi đỏ, lưỡi dâu, hồng ban đa dạng khắp người, kết mạc đỏ nhưng không đỏ ghèn, phù bàn tay, không thấy hạch cổ và không ghi nhận triệu chứng bất thường khác. Kết quả xét nghiệm: CRP tăng cao (+++) , Hct 30%, bạch cầu máu 16.000/mm³. TC 200.000/mm³. Albumin/máu 3,8 mg/dL. Siêu âm tim thấy động mạch vành phải 3mm. Bé được chẩn đoán Kawasaki. Câu nào dưới đây là đúng:

A. Chưa đủ dữ kiện để đánh giá nguy cơ tổn thương động mạch vành theo tiêu chuẩn Harada

B. Bệnh nhi đã bị dẫn động mạch vành nên không cần đánh giá nguy cơ tổn thương ĐMC theo tiêu chuẩn Harada

C. Bệnh nhi bị Kawasaki thể không điển hình nên không cần đánh giá nguy cơ tổn thương động mạch vành theo tiêu chuẩn Harada

D. Cần phối hợp cả 2 tiêu chuẩn Harada và Asai mới đánh giá được nguy cơ tổn thương động mạch vành trong giai đoạn này

E. Cần truyền Gamma globulin dù nguy cơ tổn thương động mạch vành theo tiêu chuẩn Harada cao hay thấp.